

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26 /TC-KT

"V/v: Giải trình chênh lệch KQKD
Trước và sau kiểm toán."

Bim sơn, ngày 31 tháng 3 năm 2016

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên công ty : Công ty cổ phần LILAMA 5.

Mã chứng khoán : LO5

Địa chỉ : 179- Trần Phú- Ba Đình- Bim Sơn- Thanh Hoá

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Dũng.

Nội dung công bố thông tin: Công ty cổ phần LILAMA 5 xin giải trình chênh lệch kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo tài chính quý IV năm 2015 so với báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán. Chi tiết theo bảng tổng hợp đính kèm.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu công ty


Nguyễn Văn Dũng



1. Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số luy kế tại báo cáo tài chính quý IV năm 2015	Số luy kế tại báo cáo tài chính 2015 đã được kiểm toán	Chênh lệch	Ghi chú
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	304.791.056.768	304.712.815.268	-78.241.500	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
Các khoản giảm trừ	02	-	0	0	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	304.791.056.768	304.712.815.268	-78.241.500	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
Giá vốn hàng bán	11	286.142.122.625	285.563.881.125	-578.241.500	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	18.648.934.143	19.148.934.143	500.000.000	Chênh lệch do nguyên nhân trên
Doanh thu hoạt động tài chính	21	435.465.404	435.465.404	0	
Chi phí tài chính	22	21.833.694.602	21.833.694.602	0	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	21.833.694.602	21.833.694.602	0	
Chi phí bán hàng	24	-	0	0	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15.628.862.148	15.628.862.148	0	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(18.378.157.203)	-17.878.157.203	500.000.000	Chênh lệch do nguyên nhân trên
Thu nhập khác	31	34.962.217.906	20.632.552.837	-14.329.665.069	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
Chi phí khác	32	14.332.476.907	2.811.838	-14.329.665.069	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
Lợi nhuận khác	40	20.629.740.999	20.629.740.999	0	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.251.583.796	2.751.583.796	500.000.000	Chênh lệch do nguyên nhân trên
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	528.053.468	1.184.178.718	656.125.250	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	0	0	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	1.723.530.328	1.567.405.078	-156.125.250	Chênh lệch do nguyên nhân trên
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	345	313	-32	

Handwritten signature



2. Chênh lệch bảng cân đối kế toán

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số lũy kế tại báo cáo tài chính quý IV năm 2015	Số lũy kế tại báo cáo tài chính 2015 đã được kiểm toán	Chênh lệch	Ghi chú
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	378.462.169.057	377.550.442.424	- 911.726.633	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	57.809.316.166	57.809.316.166	-	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	17.957.123.000	17.957.123.000	-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	166.055.786.502	164.644.059.869	- 1.411.726.633	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	164.511.978.818	163.094.032.744	- 1.417.946.074	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.855.925.064	1.855.925.064	-	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.062.917.041	4.069.136.482	6.219.441	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	- 4.375.034.421	- 4.375.034.421	-	
IV. Hàng tồn kho	140	136.639.943.389	137.139.943.389	500.000.000	Chênh lệch do nguyên nhân trên
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	-	-	-	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	111.429.984.349	111.429.984.349	-	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	25.000.000	25.000.000	-	
1. Phải thu dài hạn khác	216	25.000.000	25.000.000	-	
II. Tài sản cố định	220	92.309.923.289	92.309.923.289	-	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	91.678.997.753	91.678.997.753	-	
- Nguyên giá	222	166.393.911.407	166.393.911.407	-	
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223	- 74.714.913.654	- 74.714.913.654	-	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	630.925.536	630.925.536	-	
- Nguyên giá	225	691.243.636	691.243.636	-	
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226	- 60.318.100	- 60.318.100	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	3.533.530.222	3.533.530.222	-	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	3.533.530.222	3.533.530.222	-	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	20.000.000	20.000.000	-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260	15.541.530.838	15.541.530.838	-	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15.541.530.838	15.541.530.838	-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	489.892.153.406	488.980.426.773	- 911.726.633	Chênh lệch do nguyên nhân trên



 BỘ TƯ
 LỢI
 T. THA
 MA

Handwritten signature

Chỉ tiêu	Mã số	Số lũy kế tại báo cáo tài chính quý IV năm 2015	Số lũy kế tại báo cáo tài chính 2015 đã được kiểm toán	Chênh lệch	Ghi chú
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	415.435.346.528	414.679.745.145	- 755.601.383	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
I. Nợ ngắn hạn	310	364.107.464.033	363.387.623.050	- 719.840.983	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	37.807.168.285	37.785.221.885	- 21.946.400	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19.544.961.924	19.577.488.714	32.526.790	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.759.264.883	7.406.933.224	647.668.341	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
4. Phải trả người lao động	314	9.079.624.396	9.079.624.396	-	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3.000.000.000	3.000.000.000	-	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	47.858.103.462	46.480.013.748	- 1.378.089.714	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
7. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	239.974.587.368	239.974.587.368	-	
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	83.753.715	83.753.715	-	
II. Nợ dài hạn	330	51.327.882.495	51.292.122.095	- 35.760.400	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
1. Phải trả dài hạn người bán	331	29.555.454.730	29.555.454.730	-	
2. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	21.772.427.765	21.736.667.365	- 35.760.400	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	74.456.806.878	74.300.681.628	- 156.125.250	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
I. Vốn chủ sở hữu	410	74.456.806.878	74.300.681.628	- 156.125.250	Kiểm toán điều chỉnh lại đúng với bản chất sự việc
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	50.000.000.000	50.000.000.000	-	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	50.000.000.000	50.000.000.000	-	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	15.031.500.000	15.031.500.000	-	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	442.200.890	442.200.890	-	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	7.223.712.701	7.223.712.701	-	
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	35.862.959	35.862.959	-	
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421	1.723.530.328	1.567.405.078	- 156.125.250	Chênh lệch do nguyên nhân trên
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b	1.723.530.328	1.567.405.078	- 156.125.250	Chênh lệch do nguyên nhân trên
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	489.892.153.406	488.980.426.773	- 911.726.633	Chênh lệch do nguyên nhân trên



Nguyễn